

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2026/DS-ST
Ngày: 04/6/2026
“V/v tranh chấp về dân sự -
Hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng
thuê tài sản và hợp đồng mua bán tài
sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Chí

Ông Lê Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 04 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 388/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025, về việc “*Tranh chấp về Hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng thuê tài sản và hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2026/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 237/2026/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Trụ sở chính: 128 N, phường T, Tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Hồ Minh N1, sinh năm 1994 – Là nhân viên công ty. Địa chỉ liên hệ: Số C, đường C, Phường C, Đồng Tháp (Vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1999. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ D, Khóm D, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 16/7/2024, chị Nguyễn Thị Thùy T và chi nhánh Đ - thành phố C - Công ty

Cổ phần S Ngay có ký Hợp đồng cho thuê tài sản, đăng ký Giao dịch đảm bảo trên Hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ1: Giaodichdambao/botuphap: theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>. Cụ thể:

- Tài sản thuê:

+ 01 xe mô tô hai bánh biển kiểm soát: 66P2-066.05

+ Loại xe: Vision 110cc Fi, màu: đỏ nâu

+ Số khung: RLHJF5818JY020075 - số máy JF66E1096605;

+ Giá thuê: 21.564.399 VNĐ, thời hạn thuê là 12 tháng (từ 16/7/2024-16/7/2025), số tiền thuê mỗi tháng là 1.797.033 VNĐ.

- Phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng: 4% (trong trường hợp không thanh toán đúng hạn).

- Phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng: 8% trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Theo Hợp đồng cho thuê xe đã ký thì Công ty đã tiến hành giao xe cho T và T sẽ trả số tiền thuê chiếc xe trên trong vòng 12 tháng, với số tiền thuê là 1.797.033 VNĐ mỗi tháng như đã thỏa thuận.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng thuê, T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng cho Công ty từ ngày 16/5/2025, đến nay đã quá hạn hợp đồng. T không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty.

Tạm tính đến ngày 06/10/2025, T còn nợ Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền thuê xe chưa trả là 4.653.934 đồng (Bốn triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng).

Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà T nhưng đều không gặp. Công ty đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để T trả lại tiền và tài sản là xe máy đã thuê cho Công ty, nhưng T không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, không trả tiền thuê và trả lại tài sản thuê của Công ty.

Từ nội dung sự việc trên, có thể khẳng định T đã có hành vi thuê lại tài sản của Công ty, nhận được xe thông qua Hợp đồng cho thuê xe và trả tiền thuê xe hàng tháng như đã thỏa thuận, T không thanh toán theo hợp đồng và trả lại xe cho công ty.

Tại đơn khởi kiện, Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc T phải thanh toán ngay số tiền 4.653.934 đồng (Bốn triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng) tính đến ngày 06/10/2025, bao gồm:

+ Tiền thuê xe chưa trả: 3.960.015 đồng;

+ Phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng: 377.117 đồng.

+ Phí phạt vi phạm: 316.801 đồng.

Ngoài ra chị T còn phải tiếp tục chịu tiền thuê xe, phí phát sinh theo hợp đồng cho thuê xe đã ký kể từ ngày 06/10/2025 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Ngày 16/3/2026, Công ty Cổ phần S Có Ngay xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, nội dung:

Thật ra, do cần tiền nên chị Nguyễn Thị Thùy T có cầm cố tài sản với Công ty Cổ phần S; Tài sản cầm cố như sau: 01 xe mô tô hai bánh BKS 66P2-066.05; Loại xe Vision 110cc Fi màu: Đỏ Nâu; Số khung RLHJF5818JY020075 - số máy JF66E1096605 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 06/7/2023 cho Nguyễn Thị Thùy T; Số tiền cầm cố xe hai bên thỏa thuận chị Nguyễn Thị Thùy T phải trả là 21.564.398,96 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng từ 16/7/2024, chị Nguyễn Thị Thùy T có nghĩa vụ trả cho Công ty mỗi tháng số tiền 1.797.033,25 đồng; Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận nội dung về phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng 4% (trong trường hợp không thanh toán đúng hạn) và phí phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng 8% trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Tuy nhiên, do việc nhận cầm cố là không hợp lệ và chị Nguyễn Thị Thùy T cũng cần xe để đi lại nên hai bên thỏa thuận làm giấy mua bán và thuê xe với nhau như hình thức bảo đảm khoản vay.

Hiện nay, chị Nguyễn Thị Thùy T vẫn đang quản lý tài sản cầm cố là 01 xe mô tô hai bánh BKS 66P2-066.05; Loại xe Vision 110cc Fi màu: Đỏ Nâu; Số khung RLHJF5818JY020075 - số máy JF66E1096605 do Công an tỉnh Đ Cấp ngày 06/07/2023, Công ty Cổ phần S chỉ giữ giấy tờ đăng ký xe, chị Nguyễn Thị Thùy T đã vi phạm nghĩa vụ với Công ty từ ngày 16/5/2025, hiện chị Nguyễn Thị Thùy T còn nợ lại Công ty số tiền cầm cố chưa thanh toán từ tháng 16/5/2025 đến nay là 4.653.934 đồng.

Nay Công ty Cổ Phần S Có Ngay yêu cầu:

- 02 Hợp đồng mua bán xe dưới hình thức giấy bán xe và Hợp đồng thuê xe giữa chị Nguyễn Thị Thùy T với chi nhánh Đ - TP . - Công ty Cổ phần S Có Ngay tháng 07/2024 là vô hiệu.

- Yêu cầu chị Nguyễn Thị Thùy T thanh toán cho Công ty Cổ Phần S Có Ngay số tiền cầm cố còn nợ là 3.960.015 đồng, ngoài ra không còn khoản tiền nào khác.

Trường hợp chị Nguyễn Thị Thùy T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Công ty cổ phần S Có Ngay thì Công ty Cổ Phần S sẽ trả lại giấy đăng ký xe mô tô hai bánh BKS 66P2-066.05; Loại xe Vision 110cc Fi màu: Đỏ Nâu; Số khung RLHJF5818JY020075 - số máy JF66E1096605 do Công an Tỉnh Đ cấp ngày 06/07/2023 cho chị Nguyễn Thị Thùy T.

Đối với bị đơn Nguyễn Thị Thùy T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị

đơn theo quy định của pháp luật tố tụng, không gửi văn bản ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện, nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cùng với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền cầm cố xe và yêu cầu vô hiệu hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng thuê tài sản nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp Hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng thuê tài sản theo quy định tại Điều 309, Điều 430, Điều 472 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường M nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực

Tòa án nhân dân khu vực 6 đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, nhưng bị đơn Nguyễn Thị Thùy T không có mặt tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung yêu cầu và căn cứ khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Công ty cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty) khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy T thanh toán số tiền thuê và các khoản phí tính đến ngày 06/10/2025 số tiền là 4.653.934 đồng. Quá trình giải quyết nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và xác định bản chất thực hiện các hợp đồng có liên quan nhằm che giấu hợp đồng cầm cố tài sản. Do đó, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền cầm cố gốc theo quy định của pháp luật dân sự.

Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn từ yêu cầu số tiền thuê và các khoản phí tổng cộng 4.653.934 đồng, nay chỉ yêu cầu số tiền cầm cố gốc còn thiếu là 3.960.015 đồng, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, không làm bất lợi cho bị đơn.

[2.2] Xét Công ty cổ phần S Có Ngay và bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy T tự nguyện thực hiện các giao dịch Hợp đồng mua bán xe (Giấy bán xe tháng 7/2024, không ghi ngày) và Hợp đồng cho thuê xe tháng 7/2024 (không ghi ngày) đối với chiếc xe mô tô biển số 66P2-066.05 thuộc quyền sở hữu của bị đơn mục đích che giấu giao dịch thực tế là hợp đồng cầm cố tài sản có tính lãi, chị T đã nhận số tiền

cầm cố 21.564.399 đồng vào ngày 16/7/2024 và chị T đã giao Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 66P2-066.05 (bản chính) cho Công ty quản lý.

Như vậy, vào tháng 7/2024 giữa nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đồng thời 03 giao dịch: Hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng thuê tài sản.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã xác định hợp đồng thuê tài sản, hợp đồng mua bán tài sản nêu trên là hợp đồng giả tạo nhằm che giấu để thực hiện hợp đồng cầm cố tài sản, thông qua hình thức trả tiền thuê xe hàng tháng để thực hiện nghĩa vụ trả tiền cầm cố và lãi, đến nay còn thiếu số tiền gốc 3.960.015 đồng.

[2.4] Đối với bị đơn quá trình giải quyết vụ án không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để xem xét giải quyết vụ án.

[2.5] Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2015:

“1. Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu, còn giao dịch dân sự bị che giấu vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp giao dịch đó cũng vô hiệu theo quy định của Bộ luật này hoặc luật khác có liên quan.”

[3] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[3.1] Hợp đồng mua bán xe (Giấy bán xe không đề ngày, tháng 7/2024) và Hợp đồng cho thuê xe không đề ngày tháng 7/2024 là các giao dịch dân sự giả tạo nhằm che giấu giao dịch vay tài sản nên vô hiệu.

[3.2] Chị Nguyễn Thị Thùy T có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền cầm cố còn thiếu là 3.960.015 đồng.

[3.3] Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần S Có Ngay khi chị Nguyễn Thị Thùy T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Công ty, thì Công ty trả lại giấy đăng ký xe mô tô hai bánh BKS 66P2-066.05; Loại xe Vision 110cc Fi màu: Đỏ Nâu; Số khung RLHJF5818JY020075, số máy JF66E1096605 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 06/07/2023 cho chị Nguyễn Thị Thùy T.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải có nghĩa vụ trả số tiền 3.960.015 đồng nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí và 300.000 đồng án phí do giao dịch dân sự vô hiệu.

Do Công ty Cổ phần S Có Ngay được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 124, Điều 131, Điều 429, Điều 430, Điều 431, Điều 309, 311, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay.

2/ Hợp đồng mua bán xe (Giấy bán xe không đề ngày, tháng 7/2024) giữa Công ty Cổ phần S Có Ngay và chị Nguyễn Thị Thùy T vô hiệu.

3/ Hợp đồng cho thuê xe không đề ngày, tháng 7/2024 giữa Công ty Cổ phần S Có Ngay và chị Nguyễn Thị Thùy T vô hiệu.

4/ Chị Nguyễn Thị Thùy T có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền cầm cố còn thiếu là 3.960.015 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5/ Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ Phần S Có Ngay khi chị Nguyễn Thị Thùy T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Công ty, thì Công ty trả lại giấy đăng ký xe mô tô hai bánh BKS 66P2-066.05; Loại xe Vision 110cc Fi màu: Đỏ Nâu; Số khung RLHJF5818JY020075, số máy JF66E1096605 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 06/07/2023 cho chị Nguyễn Thị Thùy T.

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 600.000 án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Cổ phần S Có Ngay được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng 600.000 đồng theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0007386 ngày 07/11/2026 và 0003943 ngày 19/3/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đường sự;
- VKSND KV6-ĐT;
- THADS Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hồng